**CÁC DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – NĂM HỌC 2021 – 2022**

**Câu 1.** Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Bắc ở vĩ độ:

 **A.** 27°23' B. **B.** 23°23' B. **C.** 23°27' B **D.** 8°34' B

**Câu 2.** Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Nam ở vĩ độ:

 **A.** 8°24' B. **B.** 8°34' B. **C.** 23°27' B **D.** 23°23' B

**Câu 3.** Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Tây ở kinh độ:

 **A.** 102°29' B **B.** 109°02' B **C.** 102°09' Đ. **D.** 109°24' B.

**Câu 4.** Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Đông ở kinh độ:

 **A.** 102°29' B **B.** 109°02' B **C.** 102°09' B. **D.** 109°24' Đ.

**Câu 5.** Việt Nam nằm ở khu vực

 **A.** Nam Á **B.** Trung Á **C.** Đông Á **D.** Đông Nam Á

**Câu 6.** Việt Nam nằm trong múi giờ số

 **A.** 4 **B.** 5 **C.** 7 **D.** 6

**Câu 7.** Các quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và đất liền là

 **A.** Trung Quốc và Lào. **B.** Lào và CampuchiA.

 **C.** Thái Lan và CampuchiA. **D.** Campuchia và Trung Quốc.

**Câu 8.** Tổng diện tích phần đất của nước ta (theo Niên giám thống kê 2006) là

 **A.** 312 212 km². **B.** 312 331 km². **C.** 331 212 km². **D.** 331 331 km².

**Câu 9.** Diện tích vùng biển nước ta vào khoảng

 **A.** 31 triệu km². **B.** 3 triệu km². **C.** 1 triệu km². **D.** 13 triệu km².

**Câu 10.** Căn cứ để xác định chiều rộng và giới hạn phạm vi của lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa là

 **A.** đường đẳng sâu. **B.** các đảo ven bờ.

 **C.** biên giới trên biển. **D.** đường cơ sở.

**Câu 11.** Bộ phận được coi như phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta là vùng

 **A.** nội thuỷ. **B.** đặc quyền kinh tế.

 **C.** lãnh hải. **D.** tiếp giáp lãnh hải.

**Câu 12.** Nội thủy là

 **A.** vùng nước có chiều rộng 12 hải lí

 **B.** vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở

 **C.** vùng nước tiếp liền với lãnh hải rộng 12 hải lý

 **D.** vùng nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí

**Câu 13.** Lãnh hải là

 **A.** vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở

 **B.** vùng nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí

 **C.** vùng nước có chiều rộng 12 hải lí

 **D.** vùng nước có chiều rộng 12 hải lí tính từ bờ biển

**Câu 14.** Lãnh thổ nước ta bao gồm

 **A.** vùng đất liền, vùng biển, vùng trời

 **B.** vùng đất liền, các đảo, vùng biển

 **C.** vùng đất, vùng biển, vủng trời

 **D.** vùng đất, vùng lãnh hải, vùng trời

**Câu 15.** Vùng đất của nước ta bao gồm

 **A.** phần được giới hạn bởi các đường biên giới và đường bờ biển

 **B.** toàn bộ phần đất liền và các đảo

 **C.** toàn bộ phần đất liền và đảo gần bờ

 **D.** các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển

**Câu 16.** Việc thông thương qua lại bằng đường bộ của nước ta với các nước láng giềng

 **A.** thuận lợi vì hầu hết đường biên giới chạy qua khu vực bằng phẳng dễ qua lại.

 **B.** hết sức thuận lợi vì có nhiều dân cư sinh sống ở các vùng biên giới.

 **C.** thuận lợi vì chúng ta đã hoàn tất việc cắm mốc phân chia biên giới.

 **D.** không thật sự thuận lợi vì phần lớn biên giới nước ta nằm ở vùng hiểm trở.

**Câu 17.** Có đường biên giới dài và chạy qua các khu vực địa hình hiểm trở khiến cho

 **A.** việc thông thương qua lại bằng đường bộ giữa nước ta với các nước láng giềng có nhiều thuận lợi

 **B.** việc thông thương qua lại bằng đường bộ giữa nước ta với các nước láng giềng gặp nhiều trở ngại.

 **C.** các khu vực biên giới có điều kiện tập trung đông dân cư nhưng chưa phát triển kinh tế cửa khẩu

 **D.** các khu vực biên giới có điều kiện tập trung đông dân cư và phát triển kinh tế cửa khẩu

**Câu 18.** Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên

 **A.** khí hậu nóng, có tính phân mùa rõ rệt

 **B.** có nhiều tài nguyên khoáng sản

 **C.** có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá

 **D.** thảm thực vật bốn mùa xanh tốt

**Câu 19.** Nước ta nằm ở rìa của 2 vành đai sinh khoáng, nên:

 **A.** Thảm thực vật bốn mùa xanh tốt

 **B.** Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá

 **C.** Khí hậu có hai mùa rõ rệt

 **D.** Khoáng sản đa dạng phong phú

**Câu 20.** Xét về góc độ kinh tế, vị trí địa lí của nước ta

 **A.** thuận lợi cho việc hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật với các nước trong khu vực châu Á.

 **B.** thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác, giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.

 **C.** thuận lợi cho phát triển tổng hợp, mở cửa, hội nhập với các nước và thu hút đầu tư của nước ngoài.

 **D.** thuận lợi trong việc giao thương, mở cửa, hội nhập với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 21.** Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải

 **A.** Đường ô tô và đường sắt. **B.** Đường ô tô và đường biển.

 **C.** Đường hàng không và đường biển. **D.** Đường biển và đường sắt.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào có chung biên giới với Trung Quốc và Lào?

 **A.** Lai Châu. **B.** Lào Cai **C.** Điện Biên. **D.** Sơn LA.

**Câu 23.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào của nước ta có “Ngã ba Đông Dương” (tiếp giáp với cả hai nước lào và Cam pu chia)?

 **A.** Quảng Nam. **B.** Gia Lai. **C.** Đắk Lắk. **D.** Kon Tum.

**Câu 24.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh nào?

 **A.** Sơn LA. **B.** Lai Châu **C.** Lào Cai **D.** Điện Biên.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không** có đường biên giới chung với Lào?

 **A.** Kon Tum. **B.** Điện Biên. **C.** Gia Lai. **D.** Sơn LA.

**Câu 26.** Đặc điểm không đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta là

 **A.** địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là núi cao.

 **B.** địa hình Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùA.

 **C.** cấu trúc địa hình khá đa dạng.

 **D.** địa hình Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ của con người.

**Câu 27.** So với diện tích đất của nước ta, địa hình đồi núi chiếm

 **A.** 2/3. **B.** 5/6. **C.** 3/4. **D.** 4/5.

**Câu 28.** So với diện tích đất của nước ta, địa hình đồng bằng chiếm

 **A.** 2/5. **B.** 1/3. **C.** 1/4. **D.** 1/5.

**Câu 29.** Địa hình có độ cao dưới 1000m chiếm

 **A.** 65% diện tích **B.** 75% diện tích **C.** 60% diện tích **D.** 85% diện tích

**Câu 30.** Trong diện tích đồi núi, địa hình đồi núi thấp chiếm (%)

 **A.** 60. **B.** 70 **C.** 50. **D.** 40.

**Câu 31.** Cấu trúc địa hình Việt Nam đa dạng, thể hiện ở

 **A.** hướng núi Tây Bắc – Đông Nam **B.** địa hình có tính phân bậc

 **C.** xâm thực, bồi tụ diễn ra mạnh mẽ **D.** đồi núi thấp chiếm ưu thế

**Câu 32.** Các dãy núi ở nước ta chạy theo hai hướng chính là

 **A.** hướng vòng cung và đông nam - tây bắc.

 **B.** hướng vòng cung và hướng đông bắc - tây nam.

 **C.** hướng tây nam - đông bắc và hướng vòng cung.

 **D.** hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.

**Câu 33.** Địa hình Việt Nam mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa, thể hiện ở

 **A.** hướng nghiêng Tây Bắc – Đông Nam **B.** đồi núi thấp chiếm ưu thế

 **C.** địa hình có tính phân bậc **D.** xâm thực, bồi tụ diễn ra mạnh mẽ

**Câu 34.** Hướng vòng cung là hướng chính của

 **A.** các hệ thống sông lớn **B.** dãy Hoàng Liên Sơn.

 **C.** vùng núi Đông Bắc. **D.** vùng núi Trường Sơn Bắc

**Câu 35.** Tây Bắc – Đông Nam là hướng chính của

 **A.** vùng núi phía Nam. **B.** vùng núi vùng Đông Bắc.

 **C.** vùng núi Nam Trường Sơn. **D.** dãy núi vùng Tây Bắc.

**Câu 36.** Địa hình nào sau đây ứng với tên của vùng núi có các bộ phận: phía đông là dãy núi cao, đồ sộ; phía tây là địa hình núi trung bình; ở giữa thấp hơn là các dãy núi xen các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi?

 **A.** Trường Sơn Bắc. **B.** Đông Bắc.

 **C.** Trường Sơn Nam **D.** Tây Bắc.

**Câu 37.** Đặc điểm **không** đúng với vùng núi Tây Bắc là

 **A.** địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi hướng bắc - nam.

 **B.** xen giữa các dãy nủi là các thung lũng sông như: sông Đà, sông Mã, sông Chu.

 **C.** nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

 **D.** có các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu.

**Câu 38.** Đặc điểm nào sau đây **không** phải của địa hình vùng núi Đông Bắc?

 **A.** Các sông trong khu vực cũng có hướng vòng cung.

 **B.** Hướng nghiêng chung là hướng tây bắc - đông nam.

 **C.** Hướng núi vòng cung chiếm ưu thế.

 **D.** Địa hình núi cao chiếm phần lớn diện tích.

**Câu 39.** Đặc điểm của vùng núi Đông Bắc là

 **A.** vùng núi cao nhất nước ta với 3 dải địa hình

 **B.** vùng đồi núi 600 - 1000m ở trung tâm.

 **C.** có 4 cánh cung lớn chụm lại ở vùng sát biên giới Việt Trung

 **D.** phần lớn là núi thấp, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

**Câu 40.** Đặc điểm của vùng núi Tây Bắc là

 **A.** phía Tây là các dãy núi trung bình chạy dọc theo biên giới

 **B.** phía Đông là sơn nguyên và cao nguyên đá vôi

 **C.** có sông theo hướng núi như sông Cầu, sông Thương

 **D.** giữa vùng là dãy núi cao Hoàng Liên Sơn

**Câu 41.** Đặc điểm **không** phải của vùng núi Trường Sơn Bắc là

 **A.** gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam.

 **B.** nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

 **C.** thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu.

 **D.** mạch núi cuối cùng của dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển.

**Câu 42.** Đặc điểm **không** phải của vùng núi Trường Sơn Nam là

 **A.** đỉnh Ngọc Linh là đỉnh núi cao nhất của vùng.

 **B.** các cao nguyên của vùng khá bằng phẳng với độ cao trung bình từ 1500 đến 2000m.

 **C.** khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao.

 **D.** có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn đông - tây.

**Câu 43.** Đặc điểm của vùng núi Trường Sơn Nam là

 **A.** cao ở hai đầu, giữa là các khối núi đá vôi thấp.

 **B.** có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông – Tây

 **C.** nằm từ dãy Bạch Mã đến vĩ tuyến 14oB

 **D.** gồm các dãy núi song song so le cao ở hai đầu.

**Câu 44.** Đặc điểm của vùng núi Trường Sơn Bắc là

 **A.** địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi hướng Tây Bắc – Đông Nam

 **B.** gồm các dãy núi song song so le theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.

 **C.** gồm các khối núi và cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan

 **D.** có các cánh cung lớn mở rộng ở phía Bắc và phía Đông.

**Câu 45.** Đặc điểm nào sau đây **không** phải của dải đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

 **A.** Đồng bằng phần lớn hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

 **B.** Có nhiều hệ thống sông lớn nhất nước tA.

 **C.** Đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

 **D.** Một số đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn.

**Câu 46.** Đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là

 **A.** có nhiều hệ thống sông lớn

 **B.** hẹp ngang, nối thành dải liền mạch dọc ven biển.

 **C.** chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn

 **D.** hình thành không có nguồn gốc từ phù sa sông

**Câu 47.** Cao nguyên nào sau đây thuộc nhóm cao nguyên badan?

 **A.** Mộc Châu. **B.** Di Linh.

 **C.** Đồng Văn. **D.** Tà Phình - Sín Chải.

**Câu 48.** Cao nguyên nào sau đây thuộc nhóm cao nguyên đá vôi?

 **A.** Mơ Nông **B.** Sơn La **C.** Đăk Lak **D.** Plây Ku

**Câu 49.** Ở đồng bằng sông Hồng, đất mặn và đất phèn

 **A.** chiếm tới 2/3 diện tích đồng bằng

 **B.** chiếm diện tích nhỏ, chủ yếu ở ven biển

 **C.** không có ở đồng bằng này

 **D.** chiếm diện tích nhỏ, chủ yếu ở ven sông

**Câu 50.** Đất mặn, đất phèn chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên của

 **A.** các đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.

 **B.** đồng bằng sông Cửu Long.

 **C.** đồng bằng sông Hồng.

 **D.** các đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 51.** Đồng bằng sông Hồng có diện tích

 **A.** 15 000 km2 **B.** 25 000 km2 **C.** 40 000 km2 **D.** 30 000 km2

**Câu 52.** Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích

 **A.** 30 000 km2 **B.** 25 000 km2 **C.** 40 000 km2 **D.** 15 000 km2

**Câu 53.** Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc là

 **A.** đồi núi thấp chiếm ưu thế

 **B.** có nhiều khối núi cao, đồ sộ.

 **C.** có nhiều sơn nguyên, cao nguyên

 **D.** nghiêng theo hướng tây bắc – đông nam

**Câu 54.** Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Trường Sơn Nam và Đông Bắc là

 **A.** có các khối núi chạy theo hướng vòng cung

 **B.** có nhiều khối núi cao, đồ sộ.

 **C.** có nhiều cao nguyên xếp tầng

 **D.** không cao quá 2000m

**Câu 55.** So với Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng có điểm khác biệt là nơi này có

 **A.** diện tích rộng hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

 **B.** hệ thống kênh rạch chằng chịt.

 **C.** thủy triều xâm nhập gần như sâu toàn bộ đồng bằng về mùa cạn.

 **D.** hệ thống đê điều chia đồng bằng thành nhiều ô.

**Câu 56.** So với Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long có điểm khác biệt là nơi này có

 **A.** địa hình dốc hơn, cao ở rìa và thấp dần về phía biển.

 **B.** diện tích rộng hơn Đồng bằng sông Hồng

 **C.** hệ thống đê điều chia đồng bằng thành nhiều ô.

 **D.** hiện tượng xâm nhập mặn chỉ diễn ra ở ven biển.

**Câu 57.** Đồng bằng sông Hồng giống Đồng bằng sông Cửu Long ở điểm

 **A.** đều có đất phèn, đất mặn chiếm phần lớn diện tích.

 **B.** đều có hệ thống đê sông và đê biển.

 **C.** đều do phù sa sông bồi tụ tạo nên.

 **D.** đều có nhiều sông ngòi, kênh rạch.

**Câu 58.** Điểm chung của các vùng đồng bằng ở nước ta là

 **A.** hình thành muộn hơn đại bộ phận lãnh thổ.

 **B.** có hệ thống đê sông và đê biển.

 **C.** có nhiều sông ngòi, kênh rạch.

 **D.** đất chủ yếu là đất phù sa sông.

**Câu 59.** So với các vùng núi khác, nét nổi bật của vùng núi Trường Sơn Nam là

 **A.** địa hình thấp và hẹp ngang. **B.** chủ yếu là đồi núi thấp.

 **C.** hướng núi vòng cung. **D.** có các cao nguyên xếp tầng.

**Câu 60.** So với các vùng núi khác, nét nổi bật của vùng núi Tây Bắc là

 **A.** địa hình thấp và hẹp ngang. **B.** gồm các khối núi và cao nguyên

 **C.** hướng núi Tây Bắc – Đông Nam **D.** cao và đồ sộ nhất nước tA.

**Câu 61.** Địa hình bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở

 **A.** Đông Nam Bộ. **B.** Trường Sơn Nam.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 62.** Đông Nam Bộ là khu vực tiêu biểu cho dạng địa hình

 **A.** bán bình nguyên **B.** đồi núi

 **C.** đồng bằng ven biển **D.** đồng bằng châu thổ

**Câu 63.** Nguyên nhân chính khiến địa hình nước ta có nhiều bậc độ cao khác nhau là do

 **A.** hoạt động của con người **B.** hoạt động của ngoại lực

 **C.** hoạt động Tân kiến tạo **D.** hoạt động xâm thực, xói mòn

**Câu 64.** Nguyên nhân chính khiến xâm thực và bồi tụ tác động mạnh mẽ trên các dạng địa hình nước ta là do

 **A.** ảnh hưởng bởi hoạt động của con người

 **B.** ảnh hưởng bởi các yếu tố nội lực

 **C.** ảnh hưởng của hoạt động tân kiến tạo

 **D.** ảnh hưởng bởi tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên

**Câu 65.** Căn cứ Atlat địa lý Việt Nam trang 6-7 cho biết dãy Con Voi cùng hướng với dãy núi nào sau đây

 **A.** Bắc Sơn **B.** Sông Gâm **C.** Ngân Sơn **D.** Tam Đảo

**Câu 66.** Căn cứ Atlat địa lý Việt Nam trang 6-7 cho biết Dãy núi nào sau đây không có hướng vòng cung

 **A.** Tam Đảo **B.** Bắc Sơn **C.** Sông Gâm **D.** Ngân Sơn

**Câu 67.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây không thuộc vùng núi Đông Bắc?

 **A.** Kiều Liêu Ti. **B.** Pu Tha CA. **C.** Tây Côn Lĩnh. **D.** Phu Luông.

**Câu 68.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

 **A.** Mơ Nông. **B.** Đắk Lắk. **C.** Kon Tum. **D.** Lâm Viên.

**Câu 69.** Căn cứ Atlat địa lý Việt Nam trang 6-7 cho biết Dãy núi nào sau đây có hướng tây bắc đông nam

 **A.** cánh cung Đông Triều **B.** cánh cung sông gâm

 **C.** cánh cung Ngân Sơn **D.** Hoàng Liên Sơn

**Câu 70.** Căn Cứ Atlat địa lí Việt Nam trang 6-7 cho biết núi nào cao nhất trong số các Núi sau

 **A.** Phu Hoạt **B.** Ngọc Linh **C.** Rào Cỏ **D.** Chư Yang Sin

**Câu 71.** Diện tích của biển Đông là

 **A.** 3,477 triệu km2 **B.** 4,773 triệu km2

 **C.** 10 triệu km2 **D.** 1 triệu km2

**Câu 72.** Biển Đông là biển lớn thứ

 **A.** Nhất trong các biển trên thế giới

 **B.** Nhất trong các biển ở Thái Bình Dương

 **C.** Hai trong các biển trên thế giới

 **D.** Hai trong các biển ở Thái Bình Dương

**Câu 73.** Biển Đông là một vùng biển

 **A.** Không lớn trên thế giới

 **B.** Khép kín hoàn toàn với xung quanh

 **C.** Tương đối kín, bao bọc bởi các bán đảo

 **D.** Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

**Câu 74.** Đặc điểm **không** đúng khi nói về Biển Đông là

 **A.** Sinh vật biển mang đặc trưng của vùng biển nhiệt đới

 **B.** Tương đối kín, bao bọc bởi các bán đảo

 **C.** Có diện tích 3,477 triệu km2

 **D.** Các yếu tố hải văn thể hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa

**Câu 75.** Biển Đông mang đến cho khí hậu nước ta

 **A.** các hoàn lưu gió theo mùa **B.** sự thay đổi phức tạp của khí hậu

 **C.** lượng mưa cao, độ ẩm lớn **D.** nguồn nhiệt dồi dào

**Câu 76.** Biển Đông khiến cho khí hậu nước ta

 **A.** mang tính hải dương, ít điều hòa hơn

 **B.** mang tính hải dương, điều hòa hơn

 **C.** mang tính ôn đới, điều hòa hơn

 **D.** mang tính ôn đới, ít điều hòa hơn

**Câu 77.** Chim yến có nhiều trên các đảo đá ven bờ

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Nam Trung Bộ. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đông Bắc.

**Câu 78.** Cát trắng, nguyên liệu quý để làm thủy tinh, pha lê tập trung chủ yếu ở các đảo thuộc tỉnh

 **A.** Thanh Hóa, Quảng Nam. **B.** Ninh Thuận, Bình Thuận.

 **C.** Quảng Ninh, Khánh HòA. **D.** Bình Định, Phú Yên.

**Câu 79.** Biển Đông giàu có về tài nguyên sinh vật biển, trong đó về cá có khoảng

 **A.** 2000 loài **B.** 100 loài **C.** 1000 loài **D.** vài chục loài

**Câu 80.** Biển Đông giàu có về tài nguyên sinh vật biển, trong đó về tôm có khoảng

 **A.** vài chục loài **B.** 200 loài **C.** 1000 loài **D.** 100 loài

**Câu 81.** Hệ sinh thái phát triển mạnh ở vùng đất triều bãi cửa sông, ven biển của nước ta là

 **A.** trảng cỏ cây bụi. **B.** rừng ngập nước.

 **C.** rừng ngập mặn. **D.** thảm cỏ ngập nước.

**Câu 82.** Việt Nam có bao nhiêu hệ sinh thái ven biển

 **A.** 4. **B.** 3. **C.** 5. **D.** 2.

**Câu 83.** Điểm cuối cùng của đường hải giới nước ta về phía nam là

 **A.** Móng Cái. **B.** Cà Mau. **C.** Hà Tiên. **D.** Rạch Giá.

**Câu 84.** Điểm nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn?

 **A.** Phân bố ở ven biển. **B.** Cho năng suất sinh vật cao.

 **C.** Có nhiều loài cây gỗ quý hiếm. **D.** Giàu tài nguyên động vật.

**Câu 85.** Ý nào sau đây không đúng với vùng biển nước ta?

 **A.** Biển có độ sâu trung bình.

 **B.** Độ muối trung bình khoảng 30-33%.

 **C.** Vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan là các vùng biển sâu.

 **D.** Biển nhiệt đới ấm quanh năm, nhiều sáng, giàu ôxi.

**Câu 86.** Thiên tai bất thường, khó phòng tránh, thường xuyên hằng năm đe dọa, gây hậu quả nặng nề nhất cho vùng đồng bằng ven biển nước ta là

 **A.** bão. **B.** cát bay, cát chảy.

 **C.** động đất **D.** sạt lở bờ biển.

**Câu 87.** Trung bình mỗi năm có bao nhiêu cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta?

 **A.** 9 – 10 cơn. **B.** 6 – 7 cơn. **C.** 3 - 4 cơn. **D.** 1-2 cơn.

**Câu 88.** Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ

 **A.** nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.

 **B.** chịu tác động thường xuyên của gió mùA.

 **C.** tiếp giáp với Biển Đông.

 **D.** địa hình 85% là đồi núi thấp.

**Câu 89.** Biển Đông có thể mang lại cho nước ta lượng mưa cao, độ ẩm lớn là vì đây là vùng

 **A.** biển kín, có nhiều sinh vật biển **B.** biển kín, mang tính nhiệt đới

 **C.** biển rộng, mát mẻ quanh năm **D.** biển rộng, độ bốc hơi cao

**Câu 90.** Tài nguyên khoáng sản có giá trị nhất trên biển Đông là

 **A.** Titan **B.** Muối **C.** Dầu khí **D.** Cát thủy tinh

**Câu 91.** Tài nguyên khoáng sản gần như vô tận mà biển Đông mang lại cho nước ta

 **A.** Dầu khí **B.** Titan **C.** Cát thủy tinh **D.** Muối

**Câu 92.** Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là

 **A.** Duyên hải miền Trung. **B.** Vịnh Bắc Bộ.

 **C.** Vùng biển phía Nam. **D.** Vịnh Thái Lan.

**Câu 93.** Khu vực ven biển miền Trung có thể xây dựng nhiều cảnh biển là vì nơi này có

 **A.** bờ biển có nhiều vũng vịnh **B.** bờ biển có nhiều bãi triều rộng

 **C.** bờ biển có nhiều tam giác châu **D.** bờ biển có nhiều đầm phá

**Câu 94.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 6-7 (hoặc 13-14), hãy cho biết vịnh biển Hạ Long, Diễn Châu lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào?

 **A.** Quảng Ninh, Hà Tĩnh **B.** Hải Phòng, Nghệ An

 **C.** Hải Phòng, Hà Tĩnh **D.** Quảng Ninh, Nghệ An

**Câu 95.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 6-7 (hoặc 13-14), hãy cho biết vịnh biển Quy Nhơn, Cam Ranh lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào?

 **A.** Phú Yên, Khánh Hòa **B.** Bình Định, Phú Yên

 **C.** Bình Định, Khánh Hòa **D.** Quảng Ngãi, Phú Yên